

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2024

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 45, 49 và 54 của Luật Giá về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hành nghề thẩm định giá; hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với: người có thẻ thẩm định viên về giá, thẩm định viên về giá; doanh nghiệp thẩm định giá; cơ quan quản lý nhà nước về thẩm định giá và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thẩm định giá.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 3. Hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá

1. Hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá bao gồm:

a) Đơn đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ giấy tờ chứng minh đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đăng ký hành nghề và còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký hành nghề trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

c) Phiếu lý lịch tư pháp số 1 bản giấy do cơ quan có thẩm quyền cấp không quá 06 tháng tính đến thời điểm đăng ký hành nghề hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Phiếu này hoặc Phiếu lý lịch tư pháp số 1 bản điện tử được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID không quá 06 tháng tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;

d) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá với vai trò là người đại diện theo pháp luật, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp;

đ) Giấy xác nhận thời gian thực tế làm việc tại doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ sổ bảo hiểm xã hội thể hiện quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trừ trường hợp đã được thông báo là thẩm định viên về giá theo quy định của Luật Giá;

e) Bản sao hợp đồng lao động ký kết giữa doanh nghiệp và người có thẻ thẩm định viên về giá trừ trường hợp người có thẻ thẩm định viên về giá là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

2. Người có thẻ thẩm định viên về giá chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai trong hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác nhận thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề của người có thẻ thẩm định viên về giá chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của thông tin đã xác nhận.

Điều 4. Trình tự đăng ký hành nghề thẩm định giá

1. Người có thẻ thẩm định viên về giá khi thực hiện đăng ký hành nghề thẩm định giá có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định này bảo đảm đầy đủ, chính xác, hợp pháp.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm xem xét, rà soát hồ sơ bảo đảm đầy đủ thành phần hồ sơ và ký xác nhận trên Đơn đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp của từng người có thẻ thẩm định viên về giá.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá có văn bản về việc đăng ký hành nghề thẩm định giá Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này gửi Bộ Tài chính kèm theo hồ sơ đăng ký hành nghề của từng người có thể thẩm định viên về giá bằng một trong các phương thức sau: dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có).

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có). Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Việc gửi hồ sơ bổ sung, hoàn thiện được thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều này. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, hồ sơ sẽ không được xem xét để đưa vào thông báo danh sách thẩm định viên về giá;

b) Trường hợp hồ sơ cho thấy người có thể thẩm định viên về giá chưa đáp ứng đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá, Bộ Tài chính thông báo đến doanh nghiệp lý do chưa đủ điều kiện đăng ký hành nghề bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến (nếu có).

5. Trước ngày làm việc cuối cùng của tháng, người có thể thẩm định viên về giá đáp ứng đủ các điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Giá và có hồ sơ đăng ký hành nghề được doanh nghiệp thẩm định giá gửi đến Bộ Tài chính trước ngày 15 của tháng đó thì được Bộ Tài chính thông báo là thẩm định viên về giá trong danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh hằng tháng theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

6. Trường hợp biến động thẩm định viên về giá do thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp không còn duy trì điều kiện đăng ký hành nghề thẩm định giá hoặc thay đổi nơi đăng ký hành nghề, doanh nghiệp thẩm định giá phải kịp thời báo cáo Bộ Tài chính trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có biến động để cập nhật thông tin tại danh sách thẩm định viên về giá được điều chỉnh hằng tháng.

Mục 2

CẤP, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá gồm:

a) Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh trong trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;

c) Hồ sơ đăng ký hành nghề theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này của ít nhất 05 người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp; trường hợp doanh nghiệp đề nghị có chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá, mỗi chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá cần có thêm ít nhất hồ sơ đăng ký hành nghề của 03 người có thể thẩm định viên về giá;

d) Danh sách có xác nhận của doanh nghiệp về thành viên góp vốn, cổ đông là người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp; thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức hoặc bản sao điện tử hợp lệ của Danh sách này trong trường hợp không có thông tin về danh sách thành viên góp vốn; danh sách cổ đông tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

đ) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá gồm:

a) Tài liệu tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này. Trường hợp đề nghị cấp lại chỉ vì lý do giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách thì không yêu cầu nộp tài liệu tại điểm b và d khoản 1 Điều này;

b) Bản gốc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận hoặc giấy chứng nhận bị rách; bản kê khai lý do bị mất giấy chứng nhận và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung đã kê khai hoặc bản sao điện tử hợp lệ của bản kê khai này trong trường hợp đề nghị cấp lại do giấy chứng nhận bị mất;

c) Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ các tài liệu chứng minh cho việc thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận trong trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi thông tin doanh nghiệp tại giấy chứng nhận;

d) Hồ sơ đăng ký hành nghề theo quy định tại Điều 3 của Nghị định này của những người có thể thẩm định viên về giá có liên quan đến việc cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (nếu có).

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp khi đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

a) Lập hồ sơ theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này bảo đảm đầy đủ, chính xác, hợp pháp và gửi đến Bộ Tài chính bằng một trong các phương thức sau: dịch vụ bưu chính, nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá phải gửi hồ sơ đến Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách hoặc thông tin thay đổi so với thông tin trên giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp;

b) Nộp phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí ngay khi nộp hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và không được hoàn trả phí đã nộp.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, có nội dung chưa chính xác, Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến. Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Bộ Tài chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Việc gửi hồ sơ bổ sung, hoàn thiện được thực hiện theo phương thức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Hết thời hạn trên, trường hợp doanh nghiệp chưa bổ sung đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo đến doanh nghiệp về việc không cấp, cấp lại bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến;

b) Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp không đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính thông báo đến doanh nghiệp lý do không cấp, cấp lại bằng văn bản hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến;

c) Trường hợp hồ sơ cho thấy doanh nghiệp đủ điều kiện cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, Bộ Tài chính cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

3. Riêng trường hợp doanh nghiệp thẩm định giá đề nghị cấp lại chỉ vì lý do giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị mất, rách; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận 01 bộ hồ sơ theo quy định

tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Mục 3
ĐÌNH CHỈ KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ,
THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH
DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 7. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật Giá.

2. Bộ Tài chính ban hành quyết định đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này trừ trường hợp đình chỉ hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, xử lý vi phạm hành chính và hình sự. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày bị đình chỉ hoạt động trong đó có hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hoặc bị đình chỉ toàn bộ hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, xử lý vi phạm hành chính và hình sự, doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm gửi văn bản báo cáo về sự việc đến Bộ Tài chính.

3. Trường hợp đình chỉ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 của Luật Giá thực hiện như sau:

a) Ngày doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ là ngày hết thời hạn 03 tháng liên tục kể từ ngày doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá. Thời gian đình chỉ là 60 ngày.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị đình chỉ, doanh nghiệp có trách nhiệm khắc phục để bảo đảm tất cả các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá, đồng thời có báo cáo bằng văn bản về việc đã khắc phục kèm theo tài liệu chứng minh gửi đến Bộ Tài chính.

Căn cứ báo cáo của doanh nghiệp, Bộ Tài chính xem xét có thông báo bằng văn bản cho phép doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này;

b) Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá trong 03 tháng liên tục mà chưa bị đình chỉ do không thực hiện báo cáo với Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Giá thì khi bị phát hiện được xử lý như sau:

Trường hợp tại thời điểm phát hiện, doanh nghiệp bảo đảm tất cả các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá thì bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 180 ngày kể từ ngày bị phát hiện. Hết thời gian đình chỉ, trường hợp doanh nghiệp chưa bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời bảo đảm tất cả các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá, Bộ Tài chính có thông báo bằng văn bản cho phép doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp.

Trường hợp tại thời điểm phát hiện, doanh nghiệp không bảo đảm một trong những điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá thì sẽ bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 180 ngày kể từ ngày bị phát hiện. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày bị đình chỉ, doanh nghiệp có trách nhiệm khắc phục để bảo đảm tất cả các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá, đồng thời có báo cáo bằng văn bản về việc đã khắc phục kèm theo tài liệu chứng minh gửi đến Bộ Tài chính; trường hợp không thực hiện sẽ bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này. Hết thời gian đình chỉ, trường hợp doanh nghiệp chưa bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời bảo đảm tất cả các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá, Bộ Tài chính xem xét có thông báo bằng văn bản cho phép doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp.

4. Trường hợp đình chỉ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 54 của Luật Giá, doanh nghiệp bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong thời gian 270 ngày kể từ ngày hành vi được phát hiện. Hết thời gian đình chỉ, trường hợp doanh nghiệp chưa bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời bảo đảm tất cả các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật Giá, Bộ Tài chính xem xét có thông báo bằng văn bản cho phép doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã được cấp.

5. Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến các hợp đồng thẩm định giá đã ký với khách hàng, hợp đồng lao động đã ký với thẩm định viên, nhân viên và các nghĩa vụ pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

6. Bộ Tài chính đăng tải công khai trên trang Thông tin điện tử của Bộ Tài chính danh sách doanh nghiệp thẩm định giá bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện tiếp tục kinh doanh dịch vụ thẩm định giá sau khi bị đình chỉ.

Điều 8. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 của Luật Giá.

2. Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm b, d và đ khoản 2 Điều 54 của Luật Giá, doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm dừng ngay việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời trong thời hạn 03 ngày làm việc, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm gửi văn bản báo cáo về sự việc kèm theo bản gốc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đến Bộ Tài chính.

3. Bộ Tài chính ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này; đăng tải công khai danh sách doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; xóa tên khỏi danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trên trang Thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

4. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành và phải chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến các hợp đồng thẩm định giá đã ký với khách hàng, hợp đồng lao động đã ký với thẩm định viên, nhân viên, lưu trữ hồ sơ thẩm định giá và các nghĩa vụ pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

3. Bãi bỏ Điều 12 và bỏ cụm từ “thẩm định giá” tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b)₄₀

TM. CHÍNH PHỦ
 KT. THỦ TƯỚNG
 PHÓ THỦ TƯỚNG



Lê Minh Khái



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 78/2024/NĐ-CP
ngày 07 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp
Mẫu số 02	Giấy xác nhận thời gian thực tế làm việc với trình độ đại học trở lên
Mẫu số 03	Về việc đăng ký hành nghề thẩm định giá
Mẫu số 04	Thông báo về việc điều chỉnh thông tin về thẩm định viên về giá năm... tại các doanh nghiệp thẩm định giá được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
Mẫu số 06	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
Mẫu số 07	Quyết định về việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
Mẫu số 08	Quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6
(đóng dấu giáp lai
của doanh nghiệp)

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ THẺ THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ

Họ và tên (chữ in hoa):

Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

CCCD/CMND/CC số:.....ngày cấp:.....nơi cấp:.....

Thẻ thẩm định viên về giá: Số do Bộ Tài chính cấp ngày:.....

Số điện thoại di động:.....

1. Thời gian thực tế làm việc tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá

Thời gian từ ... đến	Công việc - Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tháng làm việc
.....
.....

Lưu ý:

(i) Chỉ yêu cầu kê khai thông tin đối với người có thẻ thẩm định viên về giá chưa từng được thông báo là thẩm định viên về giá theo quy định của Luật Giá.

(ii) Chỉ kê khai quá trình thực tế làm việc với trình độ đại học trở lên tại các doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá. Tổng thời gian kê khai tối thiểu đủ 36 tháng với trình độ đại học trở lên hoặc tối thiểu đủ 24 tháng với trình độ đại học trở lên về chuyên ngành giá hoặc thẩm định giá theo chương trình định hướng ứng dụng.

2. Tổng thời gian là thẩm định viên về giá (áp dụng khi đăng ký hành nghề thẩm định giá với vai trò là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp)

Ngày bắt đầu hành nghề	Thông báo hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Ngày chấm dứt hành nghề	Thông báo chấm dứt hành nghề của Bộ Tài chính (số, ngày tháng năm)	Công việc - Chức vụ	Đơn vị công tác	Số tháng là thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề
Năm.....
.....
.....
Năm.....
.....
.....

Lưu ý: Kê khai tối thiểu đủ 36 tháng là thẩm định viên về giá theo các Thông báo gần nhất của Bộ Tài chính

II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....
ngày cấp:..... nơi cấp:.....

2. Mã số giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá:.....do Bộ Tài chính cấp ngày:.....

Lưu ý: Để trống nếu hồ sơ đăng ký hành nghề kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

3. Người đại diện theo pháp luật trên giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

- Họ và tên:.....

- Chức vụ:.....

Lưu ý: Trường hợp hồ sơ đăng ký hành nghề kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá thì kê khai thông tin của người có thể thẩm định viên về giá đăng ký hành nghề thẩm định giá với vai trò là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

III. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Nơi đăng ký hành nghề thẩm định giá:..... (ghi rõ trụ sở chính hoặc chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá).

2. Lĩnh vực đăng ký hành nghề thẩm định giá:..... (thẩm định giá tài sản/thẩm định giá doanh nghiệp/thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp).

IV. DANH SÁCH CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

Lưu ý: Danh sách tài liệu phù hợp với quy định tại điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 3 của Nghị định này.

Chúng tôi xin cam kết những nội dung kê khai trên là đúng và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của những nội dung đã kê khai và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo giấy đăng ký này.

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, thông báo ông/bà.....là thẩm định viên về giá tại.....

....., ngày.....tháng.....năm.....
**PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**
(Chữ ký, họ tên của người đại diện
theo pháp luật, đóng dấu)

**NGƯỜI CÓ THỂ
THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ**
(Chữ ký, họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
Thời gian thực tế làm việc với trình độ đại học trở lên

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá nơi đã/đang công tác).....
(Địa chỉ cơ quan, đơn vị).....

1. Họ và tên:.....

2. Năm sinh:

3. Số CC/CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu:

Cấp ngày: Nơi cấp:.....

4. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình làm việc thực tế của tôi với trình độ đại học trở lên tại cơ quan, đơn vị như sau:

Thời gian Từ đến	Bộ phận làm việc	Chức danh, công việc	Số tháng làm việc thực tế

....., ngày tháng.....năm ...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác thực tế của Anh/Chịnêu trên là đúng sự thật.

(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá/thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá xác nhận và đóng dấu)

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
 V/v đăng ký hành nghề
 thẩm định giá

....., ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

.....<tên doanh nghiệp>..... đã được Bộ Tài chính cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số...../TĐG cấp ngày:.....

Nay.....<tên doanh nghiệp>..... gửi hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá cho những người có thể thẩm định viên về giá sau:

TT	Họ và tên	Số thẻ TĐV	Chức danh hành nghề (Tổng giám đốc/Giám đốc/ Thẩm định viên)	Nơi đăng ký hành nghề (Trụ sở chính/ tên Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá)	Lĩnh vực thẩm định giá (tài sản/doanh nghiệp/tài sản và doanh nghiệp)
1					
...					
...					

Kính đề nghị Bộ Tài chính thông báo những người có thể thẩm định viên về giá trên là thẩm định viên về giá tại<tên doanh nghiệp>.....

Hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá của từng người có thể thẩm định viên về giá (kèm theo).

TÊN DOANH NGHIỆP
 (Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện
 theo pháp luật, đóng dấu)

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TB-BTC

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO

**Về việc điều chỉnh thông tin về thẩm định viên về giá năm....
tại các doanh nghiệp thẩm định giá được cấp giấy chứng nhận
đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp thẩm định giá và việc rà soát, điều chỉnh danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp,

Bộ Tài chính thông báo điều chỉnh thông tin về thẩm định viên về giá năm.... tại các doanh nghiệp thẩm định giá được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (*Phụ lục kèm theo*).

Trong quá trình hoạt động thẩm định giá, các doanh nghiệp thẩm định giá và các thẩm định viên về giá có trách nhiệm thực hiện đúng những quy định tại Luật Giá, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các nội dung ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Nơi nhận:

- Các doanh nghiệp TĐG tại Thông báo;
 - Website Bộ Tài chính (để đăng tin);
-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan)*

Họ và tên

1. Trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)*

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax:

Website *(nếu có)* E-mail:

3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư) số.....do cấp ngày/...../..... tại, thay đổi lần thứ ngày/...../.....

Ngành nghề kinh doanh thẩm định giá: Có Mã ngành:.....

Không

4. Vốn điều lệ:

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:

Số CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:/...../..... tại

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ: tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ... ngày/...../..... do Bộ Tài chính cấp.

Phần 2. Thông tin về chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá *(nếu có)*

1. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1:

- Tên chi nhánh:
- Trụ sở chi nhánh:
Địa chỉ giao dịch:
- Điện thoại:
- Fax:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số do
cấp ngày/...../..... tại; thay đổi lần thứ ngày/...../.....
- Ngành nghề kinh doanh thẩm định giá: Có Mã ngành:.....
Không

- Người đứng đầu chi nhánh:
Họ và tên:
Số CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:/...../..... tại
Điện thoại: E-mail:
Chức vụ: tại
Thẻ thẩm định viên về giá số: ngày/..../.... do Bộ Tài chính cấp.

2. Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2: (cung cấp thông tin như Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1)

Phần 3. Thông tin về thẩm định viên đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp và chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá (nếu có)

Loại hình doanh nghiệp:

TT	Họ tên	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu	Chức vụ	Tư cách thành viên tại doanh nghiệp (trường hợp công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên cần kê khai thêm phần trăm vốn góp của từng thẩm định viên)	Thẻ thẩm định viên về giá		Cập nhật kiến thức về thẩm định giá
					Số	Ngày cấp	
Trụ sở chính							
1							
2							
....							
Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1							
1							
....							
Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá....							
....							

Phần 4. Thông tin về vốn góp của thành viên là tổ chức (đối với Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần)

Tổng số vốn góp của các thành viên là tổ chức:

Tổng tỷ lệ sở hữu:

Cụ thể mức vốn góp của các thành viên là tổ chức:

1. Tên tổ chức thứ nhất: *(ghi bằng chữ in hoa)*

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Quyết định thành lập (hoặc đăng ký kinh doanh) số ngày .../.../.....

- Người đại diện phân vốn góp:

Họ và tên:

Số CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu: cấp ngày:/...../..... tại

Điện thoại: E-mail:

Chức vụ: tại

Thẻ thẩm định viên về giá số: ... ngày .../.../... do Bộ Tài chính cấp.

Số vốn góp theo đăng ký: Thời hạn góp vốn:

Giá trị vốn đã thực góp tính đến thời điểm hiện tại:

Tỷ lệ sở hữu vốn tại doanh nghiệp:

Số văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của thành viên góp vốn, cổ đông là tổ chức theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp:.....

2. Tên tổ chức thứ hai: *(kê khai như tổ chức thứ nhất)*

Phần 5. Nội dung đề nghị và hồ sơ kèm theo

1. đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho doanh nghiệp.

2. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

Phần 6. Doanh nghiệp cam kết

..... xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ

*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện
theo pháp luật, đóng dấu)*

2. Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Kính gửi: Bộ Tài chính.

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: *(ghi bằng chữ in hoa)*

.....

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

Tên doanh nghiệp viết tắt *(nếu có)*:

Loại hình doanh nghiệp:

Người đại diện theo pháp luật: *(Họ tên, chức vụ)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ giao dịch:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do cấp ngày tháng năm..... tại, thay đổi lần thứ ngày tháng năm.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày tháng năm..... tại, cấp lại lần thứ ngày tháng năm..... tại

Đề nghị Bộ Tài chính cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số cấp ngày tháng năm.....

2. Lý do đề nghị cấp lại:

.....
.....

Nội dung trước khi cấp lại:

.....
.....

Nội dung thay đổi sau khi cấp lại:

.....

3. Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

4. Doanh nghiệp cam kết

..... xin cam kết:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Đơn này.

b) Nếu được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ
*(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện
 theo pháp luật, đóng dấu)*

BỘ TÀI CHÍNH

Mẫu số 06
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

Mã số:

Cấp lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Cấp lại lần thứ, ngày.....tháng.....năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Xét hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của

CHỨNG NHẬN:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
3. Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):
4. Địa chỉ trụ sở chính:
- Địa chỉ giao dịch:
5. Số điện thoại: Fax:
- Email:
6. Người đại diện theo pháp luật:
Họ và tên:
- Chức vụ:
- Loại giấy chứng nhận (CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu): Số..... ngày cấp:../.../... nơi cấp.....
- Thẻ thẩm định viên về giá số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày ../.../.....
7. Các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá:
a) Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 1:
- Trụ sở chi nhánh:

Địa chỉ giao dịch:

Số điện thoại: Fax:

Email:

Người đứng đầu chi nhánh:

Họ và tên:

Chức vụ:

Loại giấy chứng nhận (CC/CMND/CCCD/Hộ chiếu): Số..... ngày cấp:../.../... nơi cấp.....

Thẻ thẩm định viên về giá số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày ../.../.....

b) Chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá 2:

ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ THẨM ĐỊNH GIÁ

theo quy định tại Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023, Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

Giấy chứng nhận này được lập thành 02 bản gốc; 01 bản cấp cho; 01 bản lưu tại Bộ Tài chính.

Ngày tháng năm

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan)

Họ và tên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ
THẨM ĐỊNH GIÁ**

NHỮNG QUY ĐỊNH

Doanh nghiệp thẩm định giá được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải:

1. Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong suốt thời gian hoạt động.

2. Không sửa chữa, tẩy xóa nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

3. Không cho thuê, cho mượn, cầm cố, mua bán, chuyển nhượng và sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá vào các mục đích khác mà pháp luật không quy định.

4. Thông báo với Bộ Tài chính và làm thủ tục cấp lại theo quy định nếu có thay đổi nội dung ghi trong Giấy này.

5. Trình báo ngay cho cơ quan Công an và thông báo cho Bộ Tài chính trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, đồng thời làm hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định.

6. Nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho Bộ Tài chính khi chấm dứt kinh doanh dịch vụ thẩm định giá hoặc khi có quyết định thu hồi.

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đối với - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số/TĐG - trong thời gian tháng kể từ ngày/...../.....

Điều 2. Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Website Bộ Tài chính (để đăng tin);
-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan)*

Họ và tên

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận
đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá mã số/TĐG đối với kể từ ngày/...../.....

Điều 2. phải nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá cho Bộ Tài chính chậm nhất trong thời hạn 03 ngày, chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Website Bộ Tài chính (để đăng tin);
-

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu của cơ quan)*

Họ và tên